

Cơ quan cho vay lại chịu trách nhiệm cung cấp định kỳ hoặc đột xuất thông tin, báo cáo liên quan đến việc thực hiện chương trình/dự án cho Bộ Tài chính và Nhà tài trợ theo yêu cầu.

6.7. Thu hồi vốn:

1. Người vay lại và Cơ quan cho vay lại có trách nhiệm nộp đúng, nộp đủ nghĩa vụ trả nợ ghi trong Thỏa thuận cho vay lại và Hợp đồng ủy quyền cho vay lại chuyển vào Quỹ tích lũy trả nợ do Bộ Tài chính quản lý theo hướng dẫn cụ thể của Bộ Tài chính.

2. Cơ quan cho vay lại có quyền áp dụng mọi biện pháp cần thiết phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành để đảm bảo thu hồi nợ đầy đủ và đúng hạn từ Người vay lại, hoàn trả ngân sách nhà nước.

3. Trường hợp Người vay lại không trả được nợ:

a) Nếu là chương trình/dự án do Cơ quan cho vay lại tự thẩm định và quyết định cho vay ghi ở mục 6.1(3), thì Cơ quan cho vay lại phải trả nợ thay cho Người vay lại.

b) Nếu là chương trình/dự án được Chính phủ chỉ định ghi ở mục 6.1(1), Cơ quan cho vay lại sau khi áp dụng các biện pháp cần thiết mà luật pháp cho phép mà vẫn không thu hồi được nợ, phải thông báo cho Bộ Tài chính để phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Cơ quan thẩm định dự án báo cáo Thủ tướng Chính phủ xử lý.

Điều 7. Điều khoản thi hành.

7.1. Các thỏa thuận cho vay lại đã ký trước thời điểm ban hành Quy chế này vẫn giữ nguyên hiệu lực thực hiện, trừ quy định về thu hồi vốn phải điều chỉnh theo Quy chế về Quỹ tích lũy trả nợ do Bộ Tài chính ban hành kèm theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính số 72/1999/QĐ-BTC ngày 09/7/1999.

7.2. Các vấn đề khác liên quan đến quá trình cho vay lại và thu hồi vốn cho vay lại không nêu trong Quy chế này được thực hiện theo Nghị định số 90/1998/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 1998 của Chính phủ về ban hành Quy chế Quản lý vay và trả nợ nước ngoài và Nghị định số 87/CP ngày 05 tháng 8 năm 1997 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế Quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, tổ chức cần phản ánh kịp thời cho Bộ Tài chính để xử lý./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thứ trưởng

LÊ THỊ BĂNG TÂM

THÔNG TƯ số 12/2000/TT-BTC ngày 02/2/2000 hướng dẫn cơ chế thưởng vượt dự toán thu thuế giá trị gia tăng năm 1999.

Căn cứ Quyết định số 248/1998/QĐ-TTg ngày 24/12/1998 của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư số 190/1998/TT-BTC ngày 31/12/1998 và Thông tư số 58/1999/TT-BTC ngày 20/5/1999 hướng dẫn thi hành một số điểm về chủ trương, biện pháp điều hành dự toán ngân sách nhà nước năm 1999 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 60/QĐ-TTg ngày 17/1/2000 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế thưởng vượt dự toán thu thuế giá trị gia tăng năm 1999;

Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể một số điểm về

thưởng vượt dự toán thu thuế giá trị gia tăng năm 1999 như sau:

1. Nguyên tắc và căn cứ xét thưởng:

a) Thuế giá trị gia tăng hàng sản xuất trong nước được xét thưởng bao gồm:

- Phần thuế giá trị gia tăng hàng sản xuất trong nước.

- Phần thu thuế doanh thu tồn đọng từ năm 1998 chuyển sang.

Số thuế được tính thưởng là số thuế thực nộp Kho bạc nhà nước không kể các khoản thuế giá trị gia tăng hoặc doanh thu đã ghi thu - ghi chi ngoài dự toán đầu năm, các khoản thuế đã được Trung ương để lại 100% hoặc cấp lại cho địa phương (như thu quảng cáo truyền hình, thu từ xổ số kiến thiết,...).

b) Cơ sở để tính số vượt thu là số thuế giá trị gia tăng ghi trong dự toán thu đã được Bộ Tài chính giao kể cả phần tăng 5% thuế giá trị gia tăng so với dự toán ngân sách địa phương đã được hưởng theo quy định tại Thông tư số 190/1998/TT-BTC ngày 31/12/1998 và Thông tư số 58/1999/TT-BTC ngày 20/5/1999 của Bộ Tài chính.

2. Mức thưởng:

Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 60/QĐ-TTg ngày 17/1/2000 của Thủ tướng Chính phủ. Cụ thể:

- Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có số thu vượt dự toán được giao từ 10 tỷ đồng trở xuống, thưởng 100% số thu vượt, số vượt thu trên 10 tỷ đồng được thưởng thêm 50% số vượt thêm.

- Đối với tỉnh Đắk Lắk (có số dân di cư tự do tăng quá lớn) và các tỉnh, thành phố miền Trung bị lũ lụt lớn xảy ra tháng 11 và tháng 12 năm 1999 (thành phố Đà Nẵng, các tỉnh: Quảng Bình,

Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa), được xét thưởng 100% số thu vượt dự toán giao.

3. Sử dụng và quyết toán tiền thưởng:

Căn cứ vào số được thưởng vượt thu từ ngân sách Trung ương, các tỉnh, thành phố chủ động xem xét thưởng một phần cho ngân sách các cấp (huyện, xã). Số tiền thưởng được sử dụng:

- Đầu tư xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội của địa phương;

- Khắc phục hậu quả lũ lụt;

- Cấp bổ sung và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp nhà nước trong đó chú ý đến các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh có hiệu quả, nhất là ở các lĩnh vực cần khuyến khích như: xuất khẩu chế biến sản xuất hàng nông sản, thực phẩm,...

- Số thưởng vượt thu được hạch toán và quyết toán vào ngân sách nhà nước năm 2000.

4. Điều khoản thi hành:

Việc báo cáo và đề xuất trích thưởng được thực hiện theo hướng dẫn tại điểm 6.3 khoản 6 Phần IV Thông tư số 103/1998/TT-BTC ngày 18/7/1998 của Bộ Tài chính.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Mọi quy định trái với Thông tư này đều bị bãi bỏ.

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ vào Quyết định số 60/QĐ-TTg ngày 17/1/2000 của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn tại Thông tư này để tổ chức thực hiện./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thủ trưởng

PHẠM VĂN TRỌNG